

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày: 13-9-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Huỳnh Sinh

2. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thư – Thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021 đến ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 315/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT

Địa chỉ: Số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường y, quận Z, thành phố HCM

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Ngọc V- Chuyên viên Ngân hàng TMCP SGTT, chi nhánh NT – Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 1911A/2020/GUQ-PL ngày 26/6/2020 và số: Giấy ủy quyền số: 140/2020/GUQ-CNNT ngày 18/9/2020). (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Tr, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số 61/3 Võ Thị Sáu, Khu phố y, phường KD, thành phố PRTC, NT.(
Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2020, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn - ông Phạm Ngọc Vtrình bày:

Ngày 03/04/2014, ông Nguyễn Đình Tr có ký với Ngân hàng TMCP SGTT (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Đình Tr, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*), mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn 2.15%/Tháng, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Về mức lãi suất tuy không thể hiện trong hợp đồng nhưng Ngân hàng đã niêm yết công khai mức lãi suất tại thời điểm cho vay đối với hình thức cấp thẻ tín dụng, ông Tr đã biết và đồng ý ký kết hợp đồng. Lãi suất cho vay điều chỉnh theo từng thời kỳ của Ngân hàng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Nguyễn Đình Tr phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ sử dụng thẻ tín dụng.

Từ ngày được kích hoạt thẻ cho đến nay, ông Nguyễn Đình Tr đã thực hiện các giao dịch (gốc vay) với tổng số tiền là 13.921.192 đồng, đồng thời ông Tr đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 5.730.000 đồng, trong đó: thanh toán dư nợ trong hạn là 2.430.000 đồng, thanh toán dư nợ quá hạn 3.300.000 đồng. Thứ tự ưu tiên thanh toán được áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Chi tiết các lần giao dịch, thanh toán, các khoản phí và lãi được tóm tắt trong sao kê ngày 07/9/2021.

Do ông Nguyễn Đình Tr vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05/12/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 15.093.383 đồng sang nợ gốc quá hạn và tính lãi quá hạn kể từ ngày 06/12/2014, lãi suất nợ quá hạn 3,225%/tháng (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Sau khi Ngân hàng chuyển dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, ông Tr đã thanh toán được số tiền nợ gốc 3.300.000 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc quá hạn (dư nợ thẻ) từng kỳ với lãi suất quá hạn là 3.225%/ tháng, tương đương 0,1075%/ngày; số ngày tính lãi suất quá hạn từ ngày 06/12/2014 cho đến 07/9/2021 là 2.468 ngày.

Tính đến ngày 07/09/2021, ông Nguyễn Đình Tr còn nợ các khoản tổng cộng là 44.901.611 đồng, trong đó: gốc vay 11.793.383 đồng, lãi quá hạn 33.108.228 đồng (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm).

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Trkhông có thiện chí trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Đình Tr phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tính đến ngày 07/9/2021 số tiền là 44.901.611 đồng, trong đó: gốc vay 11.793.383 đồng, lãi quá hạn 33.108.228 đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/9/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông Nguyễn Đình Tr, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng(nguyên đơn) đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Đình Tr là đúng theo quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT(gọi tắt Ngân hàng) với ông Nguyễn Đình Tr với mục đích vay tiêu dùng, bên vay vốn là cá nhân không có mục đích lợi nhuận, vì vậy xác định đây là quan hệ pháp luật dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại Khu phố 7, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và kèm theo Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT(gọi tắt Hợp đồng tín dụng) được ký giữa Ngân hàng với ông Triều, có ghi đầy đủ và đúng địa chỉ hộ khẩu thường trú của ông Trtại Khu phố 2, phường Phủ Hà, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận nhưng qua xác minh cho thấy ngày 22/7/2017 ông Trchuyển khẩu về cư trú tại Khu phố 7, phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm; Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trtheo địa chỉ mới nhưng ông Trkhông đến Tòa làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Điều này chứng tỏ Bị đơn đã từ bỏ quyền tham

gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, cùng với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đình Tr vắng mặt nên không có lời khai, tuy nhiên căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký và các giấy tờ liên quan được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT và ông Nguyễn Đình Tr cùng với số tiền đã thanh toán của ông Tr đối với Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định ngày 03/04/2014 giữa ông Nguyễn Đình Tr và Ngân hàng TMCP SGTT có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 20/9/2013. Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) cho ông Nguyễn Đình Tr, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Xét thấy, về thu các loại phí; mức lãi suất và cách tính lãi của Ngân hàng trên tổng số dư nợ thẻ trong hạn và quá hạn là sự thỏa thuận, thống nhất giữa các bên được thể hiện tại các Điều 22, 23 của Hợp đồng tín dụng, phù hợp với: Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng, Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Công văn số 318/NTH ngày 24/8/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chi nhánh tỉnh Ninh Thuận. Do đó, phía Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đình Tr phải trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 07/9/2021 là 44.901.611 (Bốn mươi bốn triệu chín trăm lẻ một ngàn sáu trăm mười một đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 08/9/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng xác định số tiền nợ gốc 15.093.383 đồng là chưa phù hợp. Bởi lẽ, sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Tr đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 13.921.192 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng 5.730.000 đồng, trong đó: thanh toán dư nợ trong hạn 2.430.000 đồng, thanh toán dư nợ quá hạn 3.300.000 đồng. Tổng dư nợ thẻ của ông Tr gồm 02 giai đoạn, cụ thể:

Giai đoạn 1: Dư nợ trong hạn được tính từ ngày 05/5/2014 đến ngày 05/12/2014 là 17.523.383 đồng, trong đó: gốc vay 13.921.192 đồng, lãi trong hạn 2.159.115 và các phí 1.443.076 đồng. Theo quy định, số tiền ông Tr đã trả 2.430.000 đồng được ưu tiên thanh toán theo thứ tự trừ đi các phí 1.443.076 đồng, trừ lãi 986.924 đồng. Số dư nợ thẻ trong hạn còn lại tính đến ngày 05/12/2014 là 15.093.383 đồng, trong đó: gốc 13.921.192, lãi trong hạn 1.172.191 đồng.

Giai đoạn 2: Do ông Trvi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 05/12/2014 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ 15.093.383 đồng sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn. Số ngày tính lãi quá hạn kể từ ngày 06/12/2014 đến ngày 07/9/2021 là 2.468 ngày, lãi suất 0,1075%/ngày, tiền lãi quá hạn là 33.108.228 đồng. Tuy nhiên, trong thời gian bị nợ quá hạn, ông Nguyễn Đình Tr đã trả được 3.300.000 đồng và do thứ tự ưu tiên thanh toán đối với nợ quá hạn là gốc thu trước, lãi thu sau, vì vậy số tiền ông Tr đã trả 3.300.000 đồng được trừ vào gốc nên nợ gốc còn lại 10.621.192 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định số tiền nợ gốc còn lại của ông Nguyễn Đình Tr tính đến ngày 07/9/2021 là 10.621.192 đồng.

Tổng dư nợ còn lại của ông Nguyễn Đình Tr tính đến ngày 07/9/2021 là 44.901.611 đồng, trong đó: gốc vay 10.621.192 đồng, lãi trong hạn 1.172.191 đồng, lãi quá hạn 33.108.228 đồng.

Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT, buộc ông Nguyễn Đình Tr phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT số tiền còn nợ là 44.901.611 đồng(Bốn mươi bốn triệu chín trăm lẻ một ngàn sáu trăm mười một đồng), trong đó: gốc 10.621.192 đồng, lãi trong hạn 1.172.191 đồng, lãi quá hạn 33.108.228 đồng.

2. Kể từ ngày 08/9/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/4/2014 kèm theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có hiệu lực ngày 20/9/2013) cho đến khi trả hết nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều

chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đình Tr phải chịu 2.245.000 đồng(Hai triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần SGTB không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTB số tiền 1.010.000 đồng (Một triệu không trăm mười ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo biên lai thu số: 0023058 ngày 03 tháng 11 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện hợp pháp của Nguyên đơn, quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.PRTC;
- CCTHADS TP.PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nguyên Vy

[